TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 164/2024/DS-PT Ngày: 11- 03 - 2024 V/v: Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất và tháo dỡ hàng rào.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu**

Các Thẩm phán: **Bà Võ Thị Kim Thương**

Bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Thư ký phiên tòa: **Bà Đỗ Thanh Thảo Linh** - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: **Ông Nguyễn Nam Hưng** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02, ngày 04 và ngày 11 tháng 03 năm 2024 tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, số 131 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:720/2023/TLPT-DS, ngày 29 tháng 12 năm 2023, về việc: "Yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với quyền sử dụng đất và tháo dỡ hàng rào ".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 10-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 249/2024/QĐ-PT ngày 12/01/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số:1449/2024/QĐ-PT ngày 01/02/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Tô Thúy H, sinh năm 1954.

Địa chỉ: 161F, đường D, phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ủy quyền ông Phan Văn L, sinh năm 1960 - Đại diện (Có mặt).

Địa chỉ: 664 ấp B1, xã B, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Giấy ủy quyền ngày 06/6/2022).

2. Bị đơn: Bà Lương Thị Q, sinh năm 1954 (Có mặt).

Địa chỉ: 395 Tổ 5, khu phố M, phường K, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:Luật sư Hồ Phước L2- Văn phòng Luật sư Nhân Quyền - Thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

3.Người làm chứng: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1969 (Vắng mặt). Địa chỉ: Ấp Doi Lầu, xã A, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Người kháng cáo: Bị đơn - Bà Lương Thị Quý.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, sự việc được tóm tắt như sau:

*Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Tô Thúy H ủy quyền ông Phan Văn Liệt trình bày:*Vào khoảng tháng 02/2010, bà Tô Thúy H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Tấn Đ, diện tích 1.577m^2, thuộc thửa đất số 120, 121, tờ bản đồ số 25, tại địa chỉ: Xã A, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26/5/2010, Ủy ban nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN:CH 00223 cho bà H. Phần đất này, bà H trồng lá dừa nước. Tháng 4/2022, bà H phát hiện bị đơn bà Lương Thị Q rào lại phần đất phía sau của bà H nên bà H nhờ địa chính đo đạc lại và đắp bờ ranh phần đất này theo đúng ranh giới và diện tích của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H.

Ngày 26/5/2022, Ủy ban nhân dân xã A, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh hòa giải việc tranh chấp giữa hai bên thì bà Q cho rằng phần đất tranh chấp là của bà Quý nên Ủy ban nhân dân xã A yêu cầu hai bên giữ nguyên hiện trạng và khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết. Do vậy, bà H khởi kiện bà Quý, buộc bà Q trả lại phần đất đã lấn chiếm có diện tích là 1.577 m^2, thuộc thửa số 120, 121, tờ bản đồ số 25, tại xã A, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh và yêu tháo dỡ toàn bộ hàng rào trên phần diện tích đất tranh chấp.

Ngày 26/4/2023, ông L đại diện theo ủy quyền bà H, thay đổi yêu cầu khởi kiện, buộc bà Q không cản trở bà H vào sử dụng phần đất tranh chấp nêu trên và bà H được quyền tháo dỡ toàn bộ hàng rào tại phần đất tranh chấp, do bà Quý xây dựng trái phép.

Bị đơn bà Lương Thị Q trình bày:Ngày 23/03/2012, bà Q và ông Huỳnh Văn S ký Hợp đồng thỏa thuận đặt cọc, với nội dung: Ông S chuyển nhượng cho bà thửa đất số: 428, tờ bản đồ số 91, có diện tích 1075m^2 tại địa chỉ xã A,huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận số:1970 QSDĐ/SX do Ủy ban huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 09/10/2000), giá chuyển nhượng là 53.000.000 đồng (Năm mươi ba triệu đồng). Sau khi chuyển nhượng thì bà Q được Ủy ban nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với phần đất diện tích 1.075m^2.

Ngoài phần đất nêu trên, thì ông Sắp đồng ý chuyển nhượng cho bà thêm phần kênh rạch và lối đi chung bao quanh khu đất. Lúc này, ông S có

báo cho bà biết là phần đất này thuộc quyền sử dụng của ông S. Trong quá trình sử dụng thửa đất trên từ năm 2012 không có ai tranh chấp. Đến đầu năm 2022, bà H khởi kiện yêu cầu bà trả lại phần kênh rạch, lối đi chung và tháo dỡ hàng rào thì bà không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Việc, bà mua đất của ông S là tiền của bà, không liên quan đến ai khác.

*Người làm chứng ông Huỳnh Văn S trình bày:*Ngày 23/03/2012, giữa ông và bà Q ký hợp đồng đặt cọc, theo đó ông chuyển nhượng cho bà Q phần đất có diện tích 1075m^2, tại thửa số 428, tờ bản đồ số 91, tại địa chỉ: Xã A, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh, với giá 53.000.000 đồng (Năm ba mươi triệu đồng). Ngoài ra, ông không có thỏa thuận gì về lối đi chung vào phần đất nêu trên như lời trình bày của bà Q.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS - ST ngày 10-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Tô Thúy H.

Buộc bà Lương Thị Q phải chấm dứt hành vi cản trở bà Tô Thúy H vào sử dụng phần đất của bà Tô Thúy H; Bà Lương Thị Q phải tháo dỡ công trình xây dựng hàng rào tạm (kết cấu cột bê tông xi măng + lưới B40), mái che tạm (kết cấu khung cây tạp + mái tôn) mà bà Q đã tự ý xây dựng để trả lại hiện trạng thửa đất ban đầu cho bà Tô Thúy H tại phần đất thửa số 120, 121, tờ bản đồ số 25, tại xã A, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số GCN: CH00223 ngày 26/5/2010 của Ủy ban nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Tô Thúy H, cập nhật pháp lý ngày 08/7/2022, Nhà nước thu hồi 186,6m^2, diện tích còn lại 1390.4 m^2.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự và quy định về Thi hành án.

Ngày 14/8/2023, bị đơn bà Lương Thị Q có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp vụ án.

Bị đơn là bà Lương Thị Q kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm, vì không đưa ông Lê Thành Đ1 vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Trường hợp, Tòa án cấp phúc thẩm, không hủy án sơ thẩm, yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và công nhận cho bà được quyền sử dụng phần đất tranh chấp, phần kênh rạch và lối đi chung bao quanh thửa đất số 428, tờ bản đồ số 91, tại địa chỉ: Xã A, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn bà Tô Thúy H ủy quyền ông Phan Văn L không đồng ý kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Người làm chứng: Ông Huỳnh Văn S vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Lương Thị Q phát biểu ý kiến:Phần đất tranh chấp do vợ chồng bà Lương Thị Q và ông Lê Thành Đ1 nhận chuyển nhượng của ông Sắp. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Đ1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp ranh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn trên Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh ngày 06/03/2023 của Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh nên đề nghị Hội đồng xét xử, hủy án sơ thẩm, chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu - Đề nghị:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các đương sự chấp hành đúng theo quy định của phát luật.

Về nội dung:Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập chứng cứ, xác định phần đất tranh chấp thuộc thửa nào, vị trí khu đất, chưa đo vẽ diện tích, chưa áp ranh vị trí của hai thửa đất của nguyên đơn và bị đơn để xác định có liền kề nhau hay không. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm, hủy Bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng người làm chứng ông Huỳnh Văn S vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, tại đơn khởi kiện ngày 06/6/2022, nguyên đơn bà Tô Thúy H, khai năm 2010, bà nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Huỳnh Tấn Đ, diện tích 1.577m^2, thửa đất 120, 121, tờ bản đồ số 25, tại địa chỉ:Xã A, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 26/5/2010, Ủy ban nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: CH 00223 cho bà H. Ngày 08/7/2022, Ủy ban nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số:780/QĐ-UBND, về việc:Thu hồi phần đất, có diện tích 186.6 m^2, tại một phần thửa số 120, 121 của bà H nên diện tích còn lại là 1.390.4m^2, được Chi nhánh Văn

phòng đăng ký đất đất đai huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh cập nhật thay đổi ngày 03/11/2022.

Tháng 4/2022, bà phát hiện bị đơn bà Lương Thị Q lấn chiếm diện tích đất 1.577m^2, thuộc thửa 120, 121 và xây dựng hàng rào trên phần đất thuộc quyền sử dụng của bà. Do vậy, bà yêu cầu bà Q trả lại phần diện tích đất 1.577m^2 và tháo dỡ hàng rào. (Bút lục số 43). Ngày 26/4/2023, ông Phan Văn L đại diện theo ủy quyền bà H có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Q không cản trở bà H sử dụng phần đất có diện tích nêu trên và bà H được quyền tháo dỡ toàn bộ hàng rào do bà Q xây dựng trái phép. (Bút lục số 74). Phía bị đơn bà Q cho rằng năm 2012, bà nhận chuyển nhượng phần đất của ông Huỳnh Văn S, diện tích 1075m^2, thửa đất số: 428, tại địa chỉ: Xã T, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 04/6/2012, Ủy ban nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, số vào sổ cấp GCN: 1970/QSDĐ/SX cho bà Q. Phần diện tích đất tranh chấp là lối đi vào thửa đất 428, bà nhận chuyển nhượng của ông S cũng thuộc quyền sử dụng của bà. Do vậy, bà xây dựng công trình hàng rào tạm, rào lưới B40 quanh phần diện tích đất tranh chấp 1.577m2 và quản lý, sử dụng từ năm 2012 cho đến nay. (Bút lục số 102).

[2.1] Trong quá trình thu thập chứng cứ ở cấp sơ thẩm, ông Trần Văn G1 là chồng của nguyên đơn bà H có Bản tự khai ngày 10/7/2022, có nội dung: " Vào khoảng tháng 02/2010, vợ tôi là bà Tô Thúy H có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông Đ, diện tích 1.577m^2, thửa đất số 120, 121 là tài sản riêng của vợ tôi trong thời kỳ hôn nhân nên tôi không có quyền và lợi ích hợp pháp nào đối với phần đất này. Vì vậy, bà H được quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến vụ án tại Tòa án nhân dân huyện X. Tôi xin được vắng mặt trong các lần hòa giải và xét xử vụ án này.". (Bút lục số 103).

[3]. Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm, ngày 10/8/2023, bị đơn bà Q khai tiền mua đất của ông S là tiền của bà, không liên quan đến ai khác. (Bút lục số 150). Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Thành Đ1 là chồng của bà Q khai số tiền mà bà Q chuyển nhượng phần diện tích đất 1075m^2, thửa đất số 428 và phần đất tranh chấp trong vụ án này là tài sản chung của ông và bà Q, hiện nay, ông và bà Q đang quản lý, sử dụng phần diện tích đất tranh chấp. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có thu thập chứng cứ, đối với số tiền bà H nhận chuyển nhượng phần đất tranh chấp với ông Đ (bên chuyển nhượng) là tài sản chung của vợ chồng ông G1 và bà H hay là tài sản riêng của bà H; Còn đối số tiền bà Q nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, diện tích 1075m^2, thửa đất số 428 và phần đất tranh chấp diện tích 1.577m2 với ông S (bên chuyển nhượng) thì Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của bà Q cho rằng tiền mua đất là tiền của bà Q, không liên quan đến ai khác. Như vậy, đây chỉ là lời khai của bà Q không có sự xác nhận của ông Đ1 là có sự mâu thuẫn lời khai của các đương sự, lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải đưa ông Đ1 vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ số tiền bà Q nhận chuyển nhượng phần diện tích đất nêu trên là tài sản chung của vợ chồng bà Q và ông Đ1 hay tài sản riêng của bà Q nhưng Tòa án cấp sơ thẩm

không thực hiện là đưa thiếu người tham gia tố tụng, chưa đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đồng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

[4] Ngoài ra, tại Bản đồ hiện trạng vị trí - Áp ranh do Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập ngày 06/03/2023, không thể hiện diện tích 1.390.4m^2, có hiệu số thửa là 120, 121 tại địa chỉ:Xã A, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: CH 00223 ngày 26/5/2010 do Ủy ban nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp do bà H, cập nhật thay đổi diện tích ngày 03/11/2022 nằm ở vị trí nào nhưng Tòa án cấp sơ thẩm, buộc bà Q phải chấm dứt hành vi cản trở bà H vào sử dụng phần đất của bà H; Bà Q phải tháo dỡ công trình xây dựng hàng rào tạm (kết cấu cột bê tông xi măng + lưới B40), mái che tạm (kết cấu khung cây tạp + mái tôn) mà bà Q đã tự ý xây dựng để trả lại hiện trạng thửa đất ban đầu cho bà H tại phần đất thửa số 120, 121, tờ bản đồ số 25, tại địa chỉ:Xã A, huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào số cấp GCN: CH00223 ngày 26/5/2010 của Ủy ban nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà H …" là chưa đủ cơ sở vững chắc. Lẽ ra, trong trường hợp này, Tòa án cấp sơ thẩm cần phải thu thập chứng cứ, yêu cầu Trung tâm đo đạc bản đồ thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập Bản đồ hiện trạng vị trí - Áp ranh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, số vào sổ cấp GCN: CH 00223 ngày 26/5/2010 do Ủy ban nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà H, cập nhật thay đổi diện tích ngày 03/11/2022 để xác định thửa đất số 120 và thửa 121 nằm ở vị trí nào, cần áp ranh 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của 02 bên đương sự với đo đạc thực tế mới giải quyết vụ án triệt để, đảm bảo khách quan nhưng Tòa cấp sơ thẩm không thực hiện là thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

[5] Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được và đảm bảo việc tham gia hai cấp xét xử của đương sự nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Q và đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 10-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về nội dung:Tòa án cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm về tố tụng nên Hội đồng xét xử, không xem xét đối với phần nội dung.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm:Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm được xác định lại khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm:Tòa án cấp phúc thẩm hủy Bản án dân sự sơ thẩm nên bà Q không phải chịu, bà Q được hoàn lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị Quyết số:326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lương Thị Q.

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2023/DS-ST ngày 10-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm:Bà Lương Thị Q không phải chịu nên hoàn lại cho bà Lương Thị Q số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số:AA/2021/0046437 ngày 13/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu